

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty thành viên của *JPA International*  
Trụ sở chính: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM  
Tel: +84 (28) 3859 4168 Fax: +84 (28) 3859 2285  
Email: [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com) Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

## **CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH**

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Chủ tịch Công ty	02 - 03
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	06 - 07
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	08
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	09
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10 - 23

---



## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Trà Vinh đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty.

### 1. Khái quát về Công ty

Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Trà Vinh là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Trà Vinh theo Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 13 tháng 03 năm 2009 của UBND tỉnh Trà Vinh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2100234245 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 26 tháng 03 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 06 ngày 24 tháng 02 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp.

Vốn điều lệ : 2.285.123.264.594 đồng (Hai ngàn hai trăm tám mươi lăm tỷ, một trăm hai mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi bốn ngàn, năm trăm chín mươi bốn đồng).

### 2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ trụ sở chính : Số 10, ấp Long Bình, đường Bạch Đằng, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại : +84 (294) 385 3279

Mã số thuế : 2 1 0 0 2 3 4 2 4 5

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động công ích: Tổ chức quản lý, khai thác công trình và hệ thống công trình thủy lợi trong tỉnh đảm bảo yêu cầu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trang trại, nuôi thủy sản và dân sinh trên địa bàn tỉnh. Cải tạo, duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình hệ thống thủy lợi được giao quản lý. Làm chủ đầu tư sửa chữa các công trình bằng nguồn vốn hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi;
- Hoạt động sản xuất kinh doanh: Tư vấn, khảo sát thiết kế, lập dự án đầu tư các công trình thủy lợi. Thi công các công trình thủy lợi.

### 4. Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên và Ban Giám đốc

Chủ tịch công ty, các thành viên Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### 4.1 Chủ tịch Công ty

Chủ tịch Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Văn Nguyễn.

#### 4.2 Kiểm soát viên

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Trần Văn Liêm	Kiểm soát viên	01/10/2017	01/10/2021
Bà Dương Thị Bé Hai	Kiểm soát viên	18/02/2022	-

#### 4.3 Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Phước Dũng	Giám đốc
Ông Lê Ngọc Nhiễm	Phó Giám đốc

**5. Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Nguyễn – Chủ tịch.

**6. Đánh giá tình hình hoạt động**

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 23.

**7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**8. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

**9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**10. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chủ tịch Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trà Vinh, ngày 23 tháng 3 năm 2023.



NGUYỄN VĂN NGUYỄN  
Chủ tịch Công ty

Số: 2132/23/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH  
THỦY LỢI TRÀ VINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Trà Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2023 (từ trang 06 đến trang 23), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Trà Vinh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2023.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



**Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNDKHN số 1512-2023-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

**Nguyễn Thị Lắm – Kiểm toán viên**  
Giấy CNDKHN số 5889-2023-071-1

### Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

Địa chỉ: Ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, Tp Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>22.791.513.237</b>	<b>29.557.098.151</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	20.986.062.477	28.370.802.990
111	1. Tiền		20.986.062.477	28.370.802.990
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		<b>1.805.450.760</b>	<b>1.159.070.032</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.2	300.347.000	300.347.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		14.000.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5.3	1.791.450.760	1.159.070.032
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	5.4	(300.347.000)	(300.347.000)
140	IV. Hàng tồn kho	5.5	-	27.225.129
141	1. Hàng tồn kho		29.021.381	56.246.510
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(29.021.381)	(29.021.381)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.278.702.553.295</b>	<b>517.626.828.728</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		<b>2.278.702.553.295</b>	<b>517.626.828.728</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.6	2.278.702.553.295	517.626.828.728
222	- Nguyên giá		2.283.277.936.073	522.030.773.346
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.575.382.778)	(4.403.944.618)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>		<b>2.301.494.066.532</b>	<b>547.183.926.879</b>

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH**

Địa chỉ: Ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, Tp Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>16.304.999.895</b>	<b>23.242.642.433</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>16.304.999.895</b>	<b>23.242.642.433</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	5.7	5.977.114.587	15.032.437.520
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.8	154.866	60.000
319	3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.9	10.859.467.739	7.802.624.210
322	4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.10	(531.737.297)	407.520.703
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
400	<b>B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.285.189.066.637</b>	<b>523.941.284.446</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	5.11	<b>2.285.189.066.637</b>	<b>523.941.284.446</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.285.123.264.594	523.876.101.867
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		65.182.579	65.182.579
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		619.464	-
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước			-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		619.464	-
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>		<b>2.301.494.066.532</b>	<b>547.183.926.879</b>

Trà Vinh, ngày 23 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch





LƯƠNG PHƯƠNG THẢO

TÚ LONG THUẬN

NGUYỄN VĂN NGUYÊN



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

Địa chỉ: Ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, Tp Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay			Năm trước
			Hoạt động công ích	Hoạt động kinh doanh	Cộng	
1	2	3	4	5	6	7
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	77.191.900.264	-	77.191.900.264	72.590.892.138
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		77.191.900.264	-	77.191.900.264	72.590.892.138
11	4. Giá vốn hàng bán	6.2	59.353.545.164	-	59.353.545.164	54.998.600.367
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.838.355.100	-	17.838.355.100	17.592.291.771
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	50.009.439	29.360.069	79.369.508	52.238.715
22	7. Chi phí tài chính		-	-	-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-	-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.4	17.888.364.539	28.585.739	17.916.950.278	17.644.530.486
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		-	774.330	774.330	-
31	11. Thu nhập khác		-	-	-	-
32	12. Chi phí khác		-	-	-	-
40	13. Lợi nhuận khác		-	-	-	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		-	774.330	774.330	-
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.10b	-	154.866	154.866	-
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		-	619.464	619.464	-
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)		-	-	-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trà Vinh, ngày 23 tháng 3 năm 2023

Chủ tịch

LƯƠNG PHƯƠNG THẢO

TỬ LONG THUẬN

NGUYỄN VĂN NGUYÊN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		774.330	-
	<b>2. Điều chỉnh các khoản</b>		<b>171.438.160</b>	<b>208.666.382</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định	5.6	171.438.160	208.666.382
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		-	-
06	- Chi phí lãi vay		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>172.212.490</b>	<b>208.666.382</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(646.380.728)	1.926.147.535
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		27.225.129	(11.542.580)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(5.998.539.404)	3.276.767.957
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	-
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5.8	-	(18.332)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		500.000.000	818.082.398
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.439.258.000)	(1.114.540.353)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(7.384.740.513)</i>	<i>5.103.563.007</i>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	5.6	(1.761.247.162.727)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	-
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(1.761.247.162.727)</i>	-
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	5.6	1.761.247.162.727	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>1.761.247.162.727</i>	-
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</i>		<i>(7.384.740.513)</i>	<i>5.103.563.007</i>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>28.370.802.990</b>	<b>23.267.239.983</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	5.1	<b>20.986.062.477</b>	<b>28.370.802.990</b>

Người lập biểu



LƯƠNG PHƯƠNG THẢO

Kế toán trưởng



TỪ LONG THUẬN

Chủ tịch



Trà Vinh, ngày 23 tháng 3 năm 2023



NGUYỄN VĂN NGUYỄN

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Trà Vinh.

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Trà Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Trà Vinh theo Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 13 tháng 03 năm 2009 của UBND tỉnh Trà Vinh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2100234245 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 26 tháng 03 năm 2009, và các giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần 06 thay đổi ngày 24 tháng 02 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Chuyên về quản lý, khai thác, xây lắp các công trình Thủy lợi.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Hoạt động công ích: Tổ chức quản lý, khai thác công trình và hệ thống công trình Thủy lợi trong tỉnh đảm bảo yêu cầu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trang trại, nuôi thủy sản và dân sinh trên địa bàn tỉnh. Cải tạo, duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình hệ thống Thủy lợi được giao quản lý. Làm chủ đầu tư sửa chữa các công trình bằng nguồn vốn hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh: Tư vấn, khảo sát thiết kế, lập dự án đầu tư các công trình Thủy lợi. Thi công các công trình Thủy lợi.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

#### **6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 122 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 102 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

# CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

Địa chỉ: ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá đích danh (đối với xe gắn máy) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 12
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06

Theo quy định tại Khoản 6, điều VII thông tư 73/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2018 của Bộ Tài chính, các tài sản sau đây của Công ty khai thác công trình thủy lợi không phải trích khấu hao:

- Tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước.

- Máy bơm nước từ 8.000m<sup>3</sup>/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

### 6. Phải trả người lao động

Quỹ lương của người lao động và viên chức quản lý được tính theo Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016. Quỹ lương năm 2022 của người lao động duyệt theo Quyết định số 420/QĐ-CTCTTL ngày 22 tháng 06 năm 2022 do Chủ tịch Công ty phê duyệt và quỹ lương của viên chức quản lý theo Quyết định số 1392/UBND-KT ngày 08 tháng 04 năm 2022 được UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt.

Quỹ lương viên chức quản lý được phê duyệt trong năm: 1.584.000.000 đồng.

Quỹ lương người lao động được phê duyệt trong năm: 8.676.874.000 đồng.

**7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**8. Vốn chủ sở hữu**

*Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

**9. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được chủ sở hữu phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được chủ sở hữu phê duyệt.

**10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu cung cấp các dịch vụ về thủy lợi*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

Địa chỉ: ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### **Doanh thu xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **11. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

#### **12. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

#### **13. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

#### **Thuế thu nhập hiện hành**

- Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.
- Theo Điều 8, mục 2 của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài chính thì thu nhập từ cung cấp dịch vụ tưới tiêu của doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

## CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

Địa chỉ: ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Thu nhập từ nguồn miễn thủy lợi phí và thu nhập từ quản lý vận hành đều là dịch vụ công ích nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập từ bán vật tư phục vụ sửa chữa công đập, thu nhập từ cung cấp dịch vụ xây lắp được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% do tổng doanh thu của các hoạt động này dưới 20 tỷ theo quy định tại Thông tư 78/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài chính.
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

#### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **14. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH**

Địa chỉ: ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	13.044.403	62.553.439
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	20.973.018.074	28.308.249.551
<b>Cộng</b>	<b><u>20.986.062.477</u></b>	<b><u>28.370.802.990</u></b>

(\*) Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Trà Vinh.

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>300.347.000</i>	<i>(300.347.000)</i>	<i>300.347.000</i>	<i>(300.347.000)</i>
- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Trà Vinh	181.027.000	(181.027.000)	181.027.000	(181.027.000)
- Ban Quản lý dự án các dự án thủy lợi Trà Vinh	13.366.000	(13.366.000)	13.366.000	(13.366.000)
- Các đối tượng khác	105.954.000	(105.954.000)	105.954.000	(105.954.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>300.347.000</u></b>	<b><u>(300.347.000)</u></b>	<b><u>300.347.000</u></b>	<b><u>(300.347.000)</u></b>

**3. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.791.450.760</i>	-	<i>1.159.070.032</i>	-
- Ngân sách Nhà nước (phải thu kinh phí tiền sữa chữa nhà làm việc công ty)	1.133.059.329	-	1.133.059.329	-
- Các khoản tạm ứng của nhân viên	29.150.431	-	7.155.019	-
- Ngân sách Tỉnh (cấp quỹ khen thưởng, phúc lợi)	500.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	129.241.000	-	18.855.684	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.791.450.760</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.159.070.032</u></b>	<b><u>-</u></b>

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH**Địa chỉ: *ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**4. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<i>Các bên liên quan</i>		-		-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		300.347.000		300.347.000
- Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Trà Vinh	Trên 3 năm	181.027.000	Trên 3 năm	181.027.000
- Công trình Đê Trà Cú (HTTLND cù lao Hòa Minh)	Trên 3 năm	100.000.000	Trên 3 năm	100.000.000
- Ban Quản lý dự án các dự án thủy lợi Trà Vinh	Trên 3 năm	13.336.000	Trên 3 năm	13.336.000
- Các đối tượng khác		5.954.000		5.954.000
<b>Cộng</b>		<b>300.347.000</b>		<b>300.347.000</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	Cộng
Số đầu năm	(300.347.000)	-	(300.347.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(300.347.000)</b>	<b>-</b>	<b>(300.347.000)</b>

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.021.381	(29.021.381)	56.246.510	(29.021.381)
<b>Cộng</b>	<b>29.021.381</b>	<b>(29.021.381)</b>	<b>56.246.510</b>	<b>(29.021.381)</b>

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH**Địa chỉ: *ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	520.317.789.166	821.198.091	792.387.489	99.398.600	522.030.773.346
Tăng trong năm (*)	1.761.247.162.727	-	-	-	1.761.247.162.727
- Do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bàn giao	1.059.330.839.164	-	-	-	1.059.330.839.164
- Do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bàn giao	466.617.906.021	-	-	-	466.617.906.021
- Do Công ty trực tiếp thực hiện các dự án đầu tư	235.298.417.542	-	-	-	235.298.417.542
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.281.564.951.893</b>	<b>821.198.091</b>	<b>792.387.489</b>	<b>99.398.600</b>	<b>2.283.277.936.073</b>
<i>Trong đó:</i>					
Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.083.724.282	821.198.091	792.387.489	99.398.600	2.796.708.462
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số đầu năm	2.692.590.889	819.567.640	792.387.489	99.398.600	4.403.944.618
Tăng trong năm	169.807.709	1.630.451	-	-	171.438.160
Khấu hao trong năm	169.807.709	1.630.451	-	-	171.438.160
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.862.398.598</b>	<b>821.198.091</b>	<b>792.387.489</b>	<b>99.398.600</b>	<b>4.575.382.778</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	517.625.198.277	1.630.451	-	-	517.626.828.728
Số cuối năm	2.278.702.553.295	-	-	-	2.278.702.553.295

(\*) Theo quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 19 tháng 07 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh.

Trong đó:

- Nguyên giá của tài sản không phải trích khấu hao theo Thông tư 73/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 8 năm 2018 như thuyết minh ở mục IV.5 là 2.274.018.125.292 đồng.

**7. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả các khách hàng khác</b>	<b>5.977.114.587</b>	<b>15.032.437.520</b>
- Công ty TNHH Xây dựng Tân Bình	2.425.666.700	8.407.120.000
- Công ty TNHH Tư vấn XDTM Ngọc Minh	1.085.361.000	674.959.000
- HTX Xây dựng môi trường Trà Vinh	684.306.100	222.000.000
- Các khách hàng khác	1.781.780.787	5.728.358.520
<b>Cộng</b>	<b>5.977.114.587</b>	<b>15.032.437.520</b>

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH**

Địa chỉ: ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	218.176.207	(218.176.207)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	154.866	-	154.866	-
- Thuế thu nhập cá nhân	60.000	-	33.454.163	(33.514.163)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>60.000</b>	<b>-</b>	<b>251.785.236</b>	<b>(251.690.370)</b>	<b>154.866</b>	<b>-</b>

**8a. Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**8b. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	774.330	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	774.330	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>154.866</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>154.866</b>	<b>-</b>

**9. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>10.859.467.739</b>	<b>7.802.624.210</b>
- Tạm ứng ngân sách	8.686.831.874	4.379.277.862
- Thanh lý Tài sản hư hỏng (nộp ngân sách Nhà Nước)	7.334.650	2.872.069.548
- Ký quỹ bảo hành công trình	2.090.149.315	471.414.900
- Các khoản phải trả khác	75.151.900	79.861.900
<b>Cộng</b>	<b>10.859.467.739</b>	<b>7.802.624.210</b>

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH**

Địa chỉ: ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Ngân sách cấp	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	256.468.542	-	500.000.000	-	(653.190.000)	103.278.542
Quỹ phúc lợi	147.456.657	-	-	-	(691.643.000)	(544.186.343)
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	3.595.504	-	-	-	(94.425.000)	(90.829.496)
<b>Cộng</b>	<b>407.520.703</b>	<b>-</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(1.439.258.000)</b>	<b>(531.737.297)</b>

**11. Vốn chủ sở hữu****11a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
1. Số dư đầu năm trước	523.876.101.867	65.182.579	61.203	523.941.345.649
2. Tăng trong năm trước	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	-
3. Giảm trong năm trước	-	-	(61.203)	(61.203)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(61.203)	(61.203)
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	523.876.101.867	65.182.579	-	1.761.247.782.191
5. Tăng trong năm nay	1.761.247.162.727	-	619.464	1.761.247.782.191
- Tăng do nhận bàn giao (*)	1.761.247.162.727	-	-	1.761.247.162.727
- Lãi trong năm	-	-	619.464	619.464
6. Giảm trong năm nay	-	-	-	-
7. Số dư cuối năm nay	2.285.123.264.594	65.182.579	619.464	2.285.189.066.637

(\*) Theo quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 19 tháng 07 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh (xem chi tiết tại thuyết minh V.6).

**11b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Toàn bộ vốn góp chủ sở hữu là của Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Hoạt động công ích	77.191.900.264	72.590.892.138
- Hoạt động kinh doanh	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>77.191.900.264</u></b>	<b><u>72.590.892.138</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Hoạt động công ích	59.353.545.164	54.998.600.367
- Hoạt động kinh doanh	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>59.353.545.164</u></b>	<b><u>54.998.600.367</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Toàn bộ là lãi tiền gửi tiền gửi thanh toán.

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	10.996.382.220	10.071.786.916
- Chi phí vật liệu quản lý	156.388.208	150.208.000
- Chi phí dụng cụ văn phòng	591.920.753	325.226.500
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	170.077.550	192.339.110
- Thuế, phí và lệ phí	39.936.375	25.078.854
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	450.609.407	467.462.390
- Các chi phí khác	5.511.635.765	6.412.428.716
<b>Cộng</b>	<b><u>17.916.950.278</u></b>	<b><u>17.644.530.486</u></b>

**5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.101.854.125	55.474.034.867
- Chi phí nhân công	11.078.482.220	10.767.686.916
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	171.438.160	192.339.110
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	450.609.407	467.462.390
- Chi phí khác	5.468.111.530	5.741.607.570
<b>Cộng</b>	<b><u>77.270.495.442</u></b>	<b><u>72.643.130.853</u></b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH**

Địa chỉ: ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**3. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Ban kiểm soát và Ban điều hành)***Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Văn Nguyễn	Chủ tịch Công ty	300.000.000	300.000.000
Lê Phước Dũng	Giám đốc	288.000.000	288.000.000
Lê Ngọc Nhiễm	Phó Giám đốc	252.000.000	252.000.000
Trần Văn Liêm	Kiểm soát viên (Miễn nhiệm từ 01/10/2021)	-	189.000.000
Dương Thị Bé Hai	Kiểm soát viên (Bổ nhiệm từ 18/02/2022)	220.000.000	-
Phan Thị Lựu	Kế Toán Trưởng (Miễn nhiệm từ 01/10/2021)	-	171.000.000
Từ Long Thuận	Kế Toán Trưởng (Bổ nhiệm từ 01/12/2021)	228.000.000	19.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.288.000.000</b>	<b>1.219.000.000</b>

**4. Báo cáo bộ phận***- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**Năm nay*

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Hoạt động công ích	77.191.900.264	59.353.545.164	17.838.355.100	23,11%
Hoạt động kinh doanh	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>77.191.900.264</b>	<b>59.353.545.164</b>	<b>17.838.355.100</b>	<b>23,11%</b>

*Năm trước*

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Hoạt động công ích	72.590.892.138	54.998.600.367	17.592.291.771	24,23%
Hoạt động kinh doanh	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>72.590.892.138</b>	<b>54.998.600.367</b>	<b>17.592.291.771</b>	<b>24,23%</b>

*- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH**

Địa chỉ: ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

**6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Trà Vinh, ngày 23 tháng 3 năm 2023.

Người lập biểu

LƯƠNG PHƯƠNG THẢO

Kế toán trưởng

TỪ LONG THUẬN

Chủ tịch



NGUYỄN VĂN NGUYỄN